

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 782/KSBT-PCBTN

Kiên Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2025

V/v khẩn trương triển khai tiêm chủng
bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở
giáo dục mầm non, tiểu học

TRUNG TÂM Y TẾ KIÊN GIANG

Số: 1062/Kinh gửi: Giám đốc Trung tâm Y tế huyện, thành phố.

ĐẾN Ngày: 05/6/2025

huyện:

mã hồ sơ số:

Theo số liệu báo cáo tính đến ngày 30/4/2025 tỷ lệ tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh như sau:

- Tỷ lệ tiêm chủng bù liều cho trẻ trong năm học 2023-2024 đạt 60,8%, một số đơn vị đạt tỷ lệ rất thấp như: Châu Thành, Hòn Đất, Hà Tiên, U Minh Thượng, Kiên Hải, Phú Quốc (chi tiết xem phụ lục 1,2 đính kèm).

- Tỷ lệ tiêm chủng bù liều cho trẻ trong năm học 2024-2025 đạt 21,35%, hầu hết các đơn vị mới bắt đầu triển khai tiêm, trong đó có 2 huyện chưa triển khai tiêm là Hòn Đất và An Minh (chi tiết xem phụ lục 3 đính kèm).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Y tế tại Công văn số 671/KH-SYT ngày 17/3/2025. Theo đó, hoạt động rà soát tiền sử và tiêm chủng bù liều vắc xin cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học năm học 2024-2025 phải hoàn thành trước ngày 15/6/2025, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đề nghị Giám đốc Trung tâm Y tế Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện một số nội dung sau:

1. Khẩn trương phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai tiêm chủng bù liều vắc xin cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trong năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025; **đảm bảo đạt chỉ tiêu trên 90% kế hoạch cho cả 2 năm học (2023-2024 và 2024-2025) và hoàn thành trong tháng 6/2025.** Để hạn chế bỏ sót trẻ cần thực hiện:

- Đánh dấu và xác định các trẻ chưa tiêm trong danh sách đã rà soát ban đầu (năm học 2023-2024 và 2024-2025); tổng hợp số lượng trẻ chưa tiêm cần được tiêm bù để bố trí thời gian, địa điểm tổ chức tiêm chủng. Lưu ý đối với trẻ của năm học 2023-2024 cán bộ y tế thu thập dữ liệu đã tiêm của trẻ từ nơi khác (nhà trường, Hệ thống Thông tin tiêm chủng quốc gia để xem trẻ có tiêm chủng dịch vụ hoặc tiêm trong chiến dịch Sởi), nếu đã tiêm rồi thì cập nhật bổ sung vào báo cáo để nâng cao tỷ lệ.

- Phân công cán bộ liên hệ trực tiếp hoặc phối hợp với các điểm trường liên hệ với phụ huynh có trẻ chưa tiêm để thông báo lại địa điểm, thời gian tổ chức tiêm bù và vận động đối tượng trẻ đến tiêm.

- Các trường hợp không đồng ý tiêm phải có danh sách, số lượng cụ thể từng trường.

- Sau mỗi lần tiêm đều có phản hồi văn bản cho trường danh sách số lượng trẻ đã tiêm, hoãn tiêm, chưa tiêm để phối hợp cho lần tiêm tiếp theo.

2. Chỉ đạo tăng cường công tác nhập liệu trên Hệ thống Thông tin tiêm chủng quốc gia, đảm bảo 100% trẻ đã tiêm vắc xin đều được nhập liệu trên Hệ thống và hoàn thành ngay trong ngày tổ chức tiêm chủng.

3. Tăng cường công tác truyền thông, tư vấn, vận động cha mẹ, người chăm sóc, người giám hộ hợp pháp của trẻ để đưa trẻ đi tiêm chủng đầy đủ theo kế hoạch. Phối hợp với các điểm trường tuyên truyền ý nghĩa, lợi ích của việc tiêm chủng bù liều vắc xin để vận động phụ huynh đồng ý cho con em tham gia tiêm vắc xin.

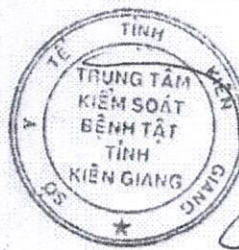
4. Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc tiến độ thực hiện, đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch. Đặc biệt các đơn vị tiêm chậm tiến độ, tỷ lệ tiêm thấp.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng đề nghị Giám đốc Trung tâm Y tế quan tâm chỉ đạo, thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Phòng GD&ĐT huyện, TP (để phối hợp);
- BGĐ TTKSBT;
- Lưu VT, TCMR.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



[Handwritten signature]

Võ Thị Lợt



Phụ lục 1

Báo cáo kết quả tiêm chủng bù liều năm học 2023-2024

(Đính kèm Công văn số 782-KSBT-PCBTN ngày 05/6/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

TT	Đơn vị	Số trẻ cần tiêm bù mũi			Số trẻ được tiêm bù trong TCMR			Số trẻ được tiêm bù trong TCMR & TCDV			Tỷ lệ trẻ được tiêm bù trong TCMR			Tỷ lệ trẻ được tiêm bù trong TCMR & TCDV		
		Mầm non	Tiểu học	Tổng	Mầm non	Tiểu học	Tổng	Mầm non	Tiểu học	Tổng	Mầm non	Tiểu học	Tổng	Mầm non	Tiểu học	Tổng
1	Rạch Giá	662	2.249	2.911	412	1.720	2.132	489	1.838	2.327	62,2	76,5	73,2	73,9	81,7	79,9
2	Tân Hiệp	371	903	1.274	231	482	713	234	485	719	62,3	53,4	56,0	63,1	53,7	56,4
3	Châu Thành	717	1.528	2.245	195	601	796	196	601	797	27,2	39,3	35,5	27,3	39,3	35,5
4	Giồng Riềng	953	2.357	3.310	508	1.560	2.068	523	1.564	2.087	53,3	66,2	62,5	54,9	66,4	63,1
5	Gò Quao	1.102	1.713	2.815	526	1.176	1.702	526	1.176	1.702	47,7	68,7	60,5	47,7	68,7	60,5
6	Hòn Đất	1.420	2.333	3.753	594	994	1.588	674	1.069	1.743	41,8	42,6	42,3	47,5	45,8	46,4
7	Kiên Lương	805	566	1.371	398	400	798	398	400	798	49,4	70,7	58,2	49,4	70,7	58,2
8	Giang Thành	140	366	506	129	278	407	129	278	407	92,1	76,0	80,4	92,1	76,0	80,4
9	Hà Tiên	296	574	870	106	284	390	156	284	440	35,8	49,5	44,8	52,7	49,5	50,6
10	An Minh	655	1.219	1.874	548	921	1.469	548	921	1.469	83,7	75,6	78,4	83,7	75,6	78,4
11	An Biên	620	1.349	1.969	483	1.279	1.762	494	1.291	1.785	77,9	94,8	89,5	79,7	95,7	90,7
12	U M Thượng	624	631	1.255	245	232	477	245	232	477	39,3	36,8	38,0	39,3	36,8	38,0
13	Vĩnh Thuận	271	793	1.064	214	749	963	214	749	963	79,0	94,5	90,5	79,0	94,5	90,5
14	Kiên Hải	69	202	271	25	53	78	27	53	80	36,2	26,2	28,8	39,1	26,2	29,5
15	Phước Quốc	1.329	2.513	3.842	833	1.195	2.028	833	1.195	2.028	62,7	47,6	52,8	62,7	47,6	52,8
	Cộng	10.034	19.296	29.330	5.447	11.924	17.371	5.686	12.136	17.822	54,3	61,8	59,2	56,7	62,9	60,8



Phụ lục 2

Tỷ lệ tiêm đủ liều một số vắc xin trong TCMR & TCDV năm học 2023-2024
(Đính kèm Công văn số 782/KSBT-PCBTN ngày 05/6/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

TT	Đơn vị	% Bại liệt					% Sởi	% Sởi- Rubella	% Viêm não Nhật Bản		
		OPV1	OPV2	OPV3	IPV1	IPV2			Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3
1	Rạch Giá	49,6	40,5	38,7	77,3	0,0	61,9	81,1	47,9	61,6	43,8
2	Tân Hiệp	98,4	92,0	90,5	90,8	0,0	93,6	91,0	83,7	68,8	35,9
3	Châu Thành	15,8	15,4	17,3	58,6	0,0	26,3	39,8	24,8	21,9	33,7
4	Giồng Riềng	78,9	64,8	51,9	87,8	0,0	75,4	76,3	59,4	45,6	24,5
5	Gò Quao	41,8	42,1	40,1	60,5	0,0	63,2	56,1	31,0	14,7	21,6
6	Hòn Đất	16,8	15,9	20,2	42,6	0,0	32,7	78,4	18,0	22,4	16,4
7	Kiên Lương	29,6	19,2	16,7	43,8	0,0	41,3	77,5	37,0	28,8	25,8
8	Giang Thành	41,7	40,0	39,3	101,5	0,0	85,9	97,4	11,8	5,8	9,2
9	Hà Tiên	72,8	62,1	56,3	42,5	0,0	52,4	59,4	51,9	48,3	33,3
10	An Minh	74,1	81,1	82,5	95,9	0,0	89,0	100,0	90,0	69,4	75,4
11	An Biên	73,9	68,0	62,1	100,6	0,0	78,7	98,0	39,6	28,5	36,5
12	U Minh Thượng	53,7	89,0	46,8	71,3	0,0	72,9	73,1	40,3	33,4	22,9
13	Vĩnh Thuận	65,0	57,3	64,5	84,3	0,0	54,5	69,2	56,2	69,3	52,2
14	Kiên Hải	81,8	14,5	15,8	125,0	0,0	58,4	76,5	42,9	16,4	62,1
15	Phú Quốc	24,4	4,2	2,8	35,7	0,0	12,0	96,3	17,1	5,1	7,4
Kiên Giang		48,7	39,2	35,7	66,6	0,0	51,1	77,9	39,3	32,6	27,5



Phụ lục 3

Báo cáo kết quả tiêm chủng bù liều năm học 2024-2025

(Đính kèm Công văn số 282/KSBT-PCBTN ngày 16/05/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

TT	Huyện, thành phố	Số trường mầm non, tiểu học thực hiện rà soát			Kết quả rà soát tiền sử tiêm chủng					Kết quả tiêm chủng bù mũi			Số liệu cập nhật đến ngày
		Tổng số trường trên địa bàn	Số trường đã thực hiện rà soát	Tỷ lệ trường đã thực hiện rà soát	Số trẻ nhập học trong năm	Số trẻ nhập học rà soát trong năm	Số trẻ đã rà soát tiền sử tiêm chủng	Tỷ lệ trẻ đã rà soát tiền sử tiêm chủng	Tỷ lệ trẻ đã rà soát tiền sử tiêm chủng	Số trẻ cần tiêm bù mũi	Số trẻ được tiêm bù trong TCMR	Tỷ lệ trẻ được tiêm bù trong TCMR+ TCDV	
1	Rạch Giá	65	65	100	5.910	5.910	5.910	100	100	2.016	30	1,49	31/05/2025
2	Tân Hiệp	42	42	100	3.312	3.199	3.199	100	100	668	285	42,66	31/05/2025
3	Châu Thành	45	45	100	5.944	4.384	4.384	100	100	1.557	288	18,50	31/05/2025
4	Giồng Riềng	55	55	100	7.248	5.254	5.254	100	100	1.619	442	27,30	31/05/2025
5	Gò Quao	32	32	100	4.230	3.598	3.598	100	100	982	471	47,96	31/05/2025
6	Hòn Đất	49	45	91,84	5.533	5.029	4.913	97,69	97,69	2.043	-	-	30/04/2025
7	Kiên Lương	20	20	100	3.215	3.075	3.075	100	100	1.267	652	51,46	30/04/2025
8	Giang Thành	12	12	100	844	844	844	100	100	237	209	88,19	31/05/2025
9	Hà Tiên	15	15	100	1.658	1.658	1.658	100	100	355	131	36,90	30/04/2025
10	An Minh	35	31	89	3.685	3.485	3.485	100	100	1.468	-	-	31/05/2025
11	An Biên	32	32	100	3.608	3.520	3.520	100	100	1.361	294	21,60	31/05/2025
12	U M Thượng	25	24	96,00	2.924	2.924	2.583	88,34	88,34	1.664	297	17,85	31/05/2025
13	Vĩnh Thuận	26	26	100	6.443	3.168	3.168	100	100	847	136	16,06	30/04/2025
14	Kiên Hải	8	8	100	512	442	442	100	100	177	62	35,03	31/05/2025
15	Phú Quốc	44	24	54,55	2.428	2.428	1.702	70,10	70,10	973	382	39,26	30/04/2025
	Cộng	505	476	94,26	57.494	48.918	47.735	97,58	97,58	17.234	3.679	21,35	



PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 782/KST-PCBM ngày, 05 tháng 06 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì; K. KST
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mọi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày, ... tháng ... năm ... cho ý kiến phân phối, giải quyết

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, ... tháng, ... năm ... cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, ... tháng, ... năm ... đề xuất ý kiến

